TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT NĂM 2008 (đã kiểm toán)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
I	**Tài sản ngắn hạn**	**395,387,715,265**	**520,201,695,898**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	146,243,022,273	265,048,382,471
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	24,472,328,800	84,968,727,363
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	98,518,904,238	90,790,056,844
4	Hàng tồn kho	95,895,910,731	75,275,377,112
5	Tài sản ngắn hạn khác	30,257,549,223	4,119,152,108
II	**Tài sản dài hạn**	**1,051,964,453,948**	**1,034,077,305,228**
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	935,114,897,696	1,001,047,053,944
	-Tài sản cố định hữu hình	857,814,001,275	951,245,533,980
	-Tài sản cố định vô hình	1,958,737,500	1,982,700,000
	-Tài sản cố định thuê tài chính		
	-Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	75,342,158,921	47,818,819,964
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	103,194,561,667	28,580,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	13,654,994,585	4,450,251,284
III	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**1,447,352,169,213**	**1,554,279,001,126**
IV	**Nợ phải trả**	**658,181,770,097**	**765,474,411,824**
1	Nợ ngắn hạn	70,594,707,866	115,380,373,459
2	Nợ dài hạn	587,587,062,231	650,094,038,365
V	**Vốn chủ sở hữu**	**789,170,399,116**	**779,800,038,200**
1	Vốn chủ sở hữu	**782,578,607,507**	**777,834,177,592**
	-Vốn đầu tư của chủ sở hữu	598,077,850,000	598,077,850,000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Cổ phiếu quỹ	(26,447,861,783)	
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	148,598,542,210	93,628,274,982
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	62,350,077,080	86,128,052,610
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	**6,591,791,609**	**1,965,860,608**
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	6,591,791,609	1,965,860,608
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	**Lợi ích của cổ đông thiểu số**		**9,004,551,102**
VI	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**1,447,352,169,213**	**1,554,279,001,126**

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2007
1	**Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ**	**1,250,153,113,241**	**1,051,040,157,099**
2	Các khoản giảm trừ	-	240,659,091
3	**Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ**	**1,250,153,113,241**	**1,050,799,498,008**
4	Giá vốn hàng bán	1,071,792,996,687	880,926,292,984
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng, cung cấp dịch vụ**	**178,360,116,554**	**169,873,205,024**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	29,272,041,683	59,301,401,299
7	Chi phí tài chính	95,003,984,205	57,663,372,310
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*37,742,547,048*	*49,019,893,781*
8	Chi phí bán hàng	11,296,180,147	11,831,726,670
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25,891,034,040	20,822,604,778
10	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh**	**75,440,959,845**	**138,856,902,565**
11	Thu nhập khác	1,426,722,013	30,747,989,922
12	Chi phí khác	2,453,611,957	22,032,869,084
13	**Lợi nhuận/(lỗ) khác**	**(1,026,889,944)**	**8,715,120,838**
14	**Lợi nhuận từ công ty liên kết**	**1,170,561,667**	**-**
15	**Tổng lợi nhuận trước thuế**	**75,584,631,568**	**147,572,023,403**
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4,684,340,609	2,090,715,262
17	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(4,026,500,624)	(4,215,869,572)
18	**Lợi nhuận sau thuế**	**74,926,791,583**	**149,697,177,713**
18.1	**Lợi ích của cổ đông thiểu số**	**-**	**4,551,102**
18.2	**Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ**	**74,926,791,583**	**149,692,626,611**
19	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**1,253**	**3,554**

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2008	Năm 2007
1	**Cơ cấu tài sản**			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	72,68	66,53
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	27,32	33,47
2	**Cơ cấu nguồn vốn**			
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	45,47	49,25
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	54,53	50,17
3	**Khả năng thanh toán**			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	4,24	2,3
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,07	2,3
4	**Tỷ suất lợi nhuận**			
	- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	5,22	9,49
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,99	13,12
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	9,57	19,24

Hải phòng, ngày 10 tháng 3 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG **TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**